

# ĐÁNH GIÁ NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ CỦA NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ FDI ĐỐI VỚI TỈNH VĨNH PHÚC

● NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

## TÓM TẮT:

Tỉnh Vĩnh Phúc sau 20 năm tái lập đã trở thành một trong những địa phương có kinh tế phát triển bậc nhất cả nước. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Vĩnh Phúc đạt 8,06%, cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của cả nước 7,08%. Giá trị GRDP bình quân đầu người đạt 85,62 triệu đồng/người/năm, tăng 6,57 triệu đồng/người/năm so với năm 2017. Quy mô nền kinh tế của Tỉnh tiếp tục tăng, gần đạt ngưỡng 100.000 tỷ đồng, đóng góp một phần đáng kể cho ngân sách Trung ương. Để có được thành tựu như ngày hôm nay, không thể không kể đến sự đóng góp của nguồn vốn FDI vào tỉnh Vĩnh Phúc. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ ra những tác động tích cực và hạn chế của nguồn vốn đầu tư FDI đối với tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ khóa: Đầu tư, nguồn vốn, FDI, tỉnh Vĩnh Phúc.

## 1. Tổng quan về FDI tỉnh Vĩnh Phúc

Theo báo cáo của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc trong năm 2018. Nếu như năm 1998, toàn tỉnh chỉ có 8 dự án FDI, đến hết tháng 12/2017, có 255 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký hơn 3,75 tỷ USD; đến hết tháng 8/2018, Vĩnh Phúc đang có 305 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 4,3 tỷ USD. Đặc biệt, bên cạnh những quốc gia dẫn đầu như: Hàn Quốc với 157 dự án, tổng vốn đầu tư trên 1.480 triệu USD; Nhật Bản với 35 dự án, tổng vốn đầu tư trên 910 triệu USD; Đài Loan với 32 dự án, tổng vốn đầu tư gần 814 triệu USD, ngoài ra có thêm nhiều nhà đầu tư mới đến từ Singapore, Thái Lan, Italia... với các ngành sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy; cơ khí chế tạo; phanh ô tô, xe máy; may mặc; đồ nhựa; điện tử và xây dựng hạ tầng KCN. Trong khi đó, lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chỉ có 3 dự án với tổng vốn đầu tư 79,0 triệu USD (chiếm 3,3% tổng vốn đầu tư đăng ký).

## 2. Những tác động của FDI đối với kinh tế Vĩnh Phúc

### 2.1. Những tác động tích cực của FDI đối với kinh tế Vĩnh Phúc

Thứ nhất, tác động đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Sự phát triển của ngành Công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm qua phụ thuộc rất lớn vào hoạt động của FDI. Nhờ sự tăng trưởng nhanh chóng của FDI trong công nghiệp, cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch rất mạnh mẽ theo hướng tăng không ngừng tỷ trọng của ngành Công nghiệp và Xây dựng trong GDP: từ 20,71% năm 1997 lên 60,10% năm 2018. Tỷ trọng của ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản giảm mạnh từ 44,35% năm 1997 xuống còn 10,72% vào năm 2018. Tác động tích cực của FDI tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh còn biểu hiện thông qua thúc đẩy sự hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh Vĩnh Phúc như sản xuất ô tô, xe máy kéo theo sự hình thành và phát

triển nhanh các doanh nghiệp cơ khí sản xuất phụ tùng, linh kiện chất lượng cao cho công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy; cơ khí chế tạo, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học, bước đầu thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản.

*Thứ hai*, tác động của FDI tới công nghệ sản xuất: FDI góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào tỉnh, phát triển một số ngành kinh tế chủ lực của địa phương như sản xuất, chế tạo ô tô, xe máy, linh kiện phụ tùng ô tô, xe máy, điện tử,... thúc đẩy lĩnh vực dịch vụ của tỉnh nâng cao chất lượng và phát triển nhanh hơn, nhất là các ngành du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, kinh doanh bất động sản,... phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tương đối đồng bộ.

*Thứ ba*, tác động đến sự hình thành và phát triển của hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật: Đặc biệt là hệ thống đường giao thông, cung cấp điện, nước, dịch vụ bưu chính viễn thông...

*Thứ tư*, tác động đến quan hệ kinh tế quốc tế: FDI góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Giá trị kim ngạch xuất khẩu của các dự án FDI trên địa bàn tỉnh gia tăng nhanh chóng. Trong năm 2018, các doanh nghiệp FDI đạt tổng doanh thu 4.040,6 triệu USD, tăng 13% so với cùng kỳ; giá trị xuất khẩu đạt 3.102,4 triệu USD, tăng 23%, nộp ngân sách nhà nước 2.661,9 tỷ đồng, tăng 34%. Trong đó, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực: Xe máy; linh kiện xe máy; phụ tùng ô tô; linh kiện điện tử; đệm ghế ô tô; chèn; hàng dệt may; giày dép các loại; hàng cơ khí... tiếp tục giữ đà tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, góp phần không nhỏ vào con số 4.600 tỷ đồng, tăng gần 60% so với năm 2017 về thu thuế xuất nhập khẩu toàn tỉnh.

*Thứ năm*, tác động đối với ngân sách tỉnh: Góp phần cải thiện tình hình thu ngân sách của tỉnh, giúp cho tỉnh tự chủ không cần đối trợ thu từ ngân sách chi tiêu chủ yếu nhờ trợ cấp từ ngân sách trung ương, đến nay ngoài việc đã tự cân đối được thu - chi ngân sách còn đóng góp cho ngân sách trung ương ngày càng tăng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả nước nộp ngân sách nhà nước 2.661,9 tỷ đồng, tăng 34%.

*Thứ sáu*, tác động FDI tới giải quyết vấn đề xã hội: FDI có tác động tích cực trực tiếp tới tạo việc làm mới. Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp FDI và DDI trong các khu công nghiệp đều khởi sắc, đóng góp tích cực cho sự phát

triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm cho hơn 83.000 lao động, trong đó, gần 66.000 lao động là người Vĩnh Phúc. Ngoài ra, FDI có tác động gián tiếp thông qua sự phát triển của các ngành khác như kết cấu hạ tầng và dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, từ đó tạo nhiều việc làm mới cho lao động trên địa bàn tỉnh; Góp phần làm gia tăng chất lượng nguồn nhân lực, kể cả lao động quản lý và kỹ năng của người lao động trực tiếp theo phương pháp công nghiệp thông qua việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy lao động tập thể với cơ quan quản lý nhà nước về lao động, Đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện khá tốt công tác bảo hộ lao động; Chú trọng, quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với chính sách pháp luật BHXH, BHYT, BHTN. Hàng năm, tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN nghiệp do DN FDI tham gia đóng góp chiếm trên 30% trên tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN toàn tỉnh; Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH. Thực hiện khá tốt các thủ tục về môi trường, 100% các dự án FDI đã thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường hoặc đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định; 67% đơn vị có xác nhận hoàn thành các công trình xử lý sau DTM; 90% đơn vị thực hiện đăng ký chủ nguồn thải CTNH và quản lý CTNH theo các văn bản hướng dẫn.

## **2.2. Những tác động tiêu cực của FDI đối với kinh tế Vĩnh Phúc**

Bên cạnh những tác động tích cực của nguồn vốn FDI đối với sự phát triển kinh tế Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại những tác động tiêu cực cần khắc phục và hạn chế:

*Thứ nhất*, về kinh tế: Các dự án FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa đến từ các nhà đầu tư châu Á. Các ngành công nghiệp do các dự án FDI tạo ra chủ yếu là công nghiệp lắp ráp, ít có công nghiệp chế tạo, chưa tạo ra nhiều sản phẩm công nghệ cao, chưa đầu tư nhiều cho việc đổi mới công nghệ, hoạt động R&D chuyển giao công nghệ còn hạn chế. Chưa góp phần đẩy mạnh công nghiệp phụ trợ, mặc dù giá trị sản xuất đạt khối lượng rất lớn nhưng giá trị gia tăng chiếm tỷ trọng thấp do giá trị các nguyên liệu, vật liệu đầu vào lớn, tỷ lệ nội địa hoá trong ngành sản xuất ô tô vẫn đang ở mức rất thấp (12%), giá trị nhập khẩu gấp 2 lần giá trị

xuất khẩu, tập trung vào gia công, lắp ráp và khai thác thị trường nội địa. Làm cho kinh tế của tỉnh phụ thuộc rất lớn vào FDI. FDI đang chiếm tỷ trọng quá lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp cũng như GDP và đóng góp cho ngân sách, dẫn đến tốc độ tăng trưởng của tỉnh cao nhưng chưa đảm bảo sự bền vững. Phân bố của FDI rất không đồng đều theo ngành và theo địa bàn, gây hạn chế về hiệu ứng lan tỏa. Một số doanh nghiệp FDI vẫn đang lợi dụng kẽ hở về chính sách, pháp luật của Việt Nam để thực hiện hành vi gian lận thương mại, chuyển giá, kê khai lố hoặc lợi nhuận thấp, nên đóng góp rất hạn chế đối với nguồn ngân sách của Nhà nước và của tỉnh.

*Thứ hai*, thực trạng tác động tiêu cực của FDI tới các vấn đề xã hội và môi trường quan hệ chủ - thợ trong các DN FDI vẫn còn có những căng thẳng nhất định. Nhiều DN FDI thường xuyên thực hiện chế độ làm tăng ca, tăng giờ, trong khi đó thu nhập không tương xứng với thời gian và cường độ lao động, quyền lợi về an sinh xã hội, mà trụ cột là BHXH, BHYT của người lao động không được đảm bảo dẫn đến đình công liên công, gây mất trật tự chính trị xã hội trên địa bàn. Một số DN FDI vẫn tìm cách cố tình trốn tránh đóng bảo hiểm xã hội, hoặc để chấm dứt hợp đồng lao động khi cần thiết; Chưa tạo nhiều việc làm cho khu vực nông thôn và tác động đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Doanh nghiệp FDI trong công nghiệp Vĩnh Phúc thường không tập trung vào các dự án xử lý môi trường mà vấn đề đó được chuyển thành trách nhiệm của Ban quản lý Các khu công nghiệp. Còn nhiều các doanh nghiệp không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật Bảo vệ môi trường; các doanh nghiệp của Đài Loan, Trung Quốc có công nghệ, thiết bị lạc hậu, sử dụng nhiều nguyên liệu, năng lượng và định mức phát thải lớn.

### **3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tác động của FDI tới phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc**

*Một là*, định kỳ đánh giá hiệu quả của từng dự án và hiệu quả của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Vĩnh Phúc để có chương trình điều chỉnh kịp thời. Để phát huy vai trò tích cực của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, các cơ quan ban ngành có chức năng quản lý các dự án đầu tư cần thường xuyên rà soát đánh giá thực trạng triển khai và hiệu quả của các dự án. Công tác này phải được tiến hành định kỳ hàng quý

trong năm nhằm tìm ra những vướng mắc của các nhà đầu tư để giải quyết. Bên cạnh đó, cần kiên quyết thu hồi các dự án FDI kém hiệu quả.

*Hai là*, tiếp tục hoàn thiện công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp đến 2020 với tầm nhìn 2030. Quy hoạch ở Vĩnh Phúc cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng phù hợp với các quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể ngành, vùng, sản phẩm của Trung ương. Quy hoạch phải được luân chứng đầy đủ; vừa có tính mềm dẻo, linh hoạt vừa có tính bất biến và phải có tầm nhìn dài hạn; được công khai hoá. Đối với phương pháp xây dựng quy hoạch, quy hoạch phải gắn với thị trường, quy hoạch phải có tính khả thi, phát huy được lợi thế của địa phương, định hướng huy động và phân bổ mọi nguồn lực của xã hội cho phát triển. Việc lập quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển KT-XH, giữa quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đai; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế cả nước với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng, lãnh thổ, phù hợp giữa quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực... Công tác quy hoạch phải phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế; tránh tình trạng thông qua quy hoạch để thực hiện độc quyền. Tiếp tục điều chỉnh lại Quy hoạch Phát triển Khu công nghiệp đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chủ động xây dựng mới hoặc mở rộng các khu, cụm CN trong trường hợp đã lấp đầy trên 60% diện tích đất công nghiệp hiện có. Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

*Ba là*, phối hợp giữa địa phương với nhà đầu tư trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Cần phải huy động nguồn lực của mọi thành phần kinh tế và đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời phải tăng cường quản lý đầu tư xây dựng, chống thất thoát, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng. Trước mắt, tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng một số tuyến đường có ý nghĩa quyết định đối với thu hút FDI phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc xây dựng mới, cải

tạo, mở rộng và nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo sự kết nối liên thông không gian kinh tế các vùng trong tỉnh, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo sức hấp dẫn trong việc thu hút đầu tư. Đảm bảo cấp đầy đủ điện, nước cho sản xuất. Tập trung đầu tư hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn, rác thải. Huy động các nguồn lực thuộc các thành phần kinh tế đầu tư hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin. Khuyến khích các nhà đầu tư theo hình thức BOT và BT đầu tư làm hạ tầng giao thông. Tiếp tục xây dựng chính sách thu từ đất và đầu giá đất để tạo vốn cho phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ thủ tục xây dựng cơ bản, chất lượng dự án, thiết kế và chất lượng thi công. Chỉ đạo thực hiện đúng Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, không để xảy ra tình trạng lãng phí, tiêu cực, tham nhũng khi triển khai đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu.

**Bốn là,** nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, lựa chọn dự án đầu tư với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác vận động xúc tiến đầu tư chú trọng các đối tác chiến lược: tổ chức các cuộc hội thảo giới thiệu về môi trường 24 đầu tư chung tại các địa bàn và đối tác đã được nghiên cứu, tăng cường vận động trực tiếp các tập đoàn lớn đầu tư vào các dự án cụ thể, nâng cấp trang thông tin website về FDI. Biên soạn lại các tài liệu giới thiệu về FDI, đẩy mạnh chương trình quảng bá hình ảnh địa phương và các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của tỉnh, giới thiệu môi trường đầu tư, các dự án kêu gọi bằng hình thức giới thiệu qua các Brochure, Internet, đĩa VCD, trên các báo và tạp chí trong nước để phục vụ cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đổi mới nội dung và phương thức vận động, xúc tiến đầu tư, in các ấn phẩm quảng bá về môi trường đầu tư của tỉnh bằng các thứ tiếng: Anh, Nhật, Hàn Quốc, Việt Nam. Kết hợp hoạt động xúc tiến thương mại - du lịch với xúc tiến đầu tư. Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư theo từng nhóm dự án để có kế hoạch kêu gọi đầu tư theo địa chỉ (theo địa bàn, theo lĩnh vực ưu tiên...). Đào tạo kiến thức về xúc tiến đầu tư. Thành lập quỹ xúc tiến đầu tư hoặc bố trí kinh phí thoả đáng, có hiệu quả cho công tác xúc tiến đầu tư.

**Năm là,** phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thu hút và sử dụng hiệu quả FDI để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Cần đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực cả về quy mô, chất lượng

và cơ cấu. Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt mức 85% tổng số lao động làm việc, trong tổng số lao động qua đào tạo, tỷ lệ công nhân kỹ thuật các loại phải đạt mức 70% đến năm 2030. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và phát triển đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ kỹ sư giỏi trong các ngành sản xuất công nghiệp đang có xu thế thu hút FDI công nghệ cao như cơ khí chế tạo, điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu mới, công nghệ sinh học, may mặc, giấy da, chế biến nông sản, thực phẩm... Phần đầu đào tạo công nhân kỹ thuật trình độ cao đạt mức khoảng 45-50%. Về cơ cấu theo ngành cần ưu tiên đào tạo cho các ngành then chốt như: cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, sản xuất vật liệu mới; khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp tổ chức đào tạo nhân lực bằng hình thức nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo theo địa chỉ. Tiếp tục tăng nguồn vốn ngân sách, đẩy mạnh xã hội hoá để tăng cường huy động các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng và hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật của các cơ sở đào tạo phục vụ phát triển nhân lực, thực hiện cơ chế, chính sách trích từ nguồn vốn huy động từ đầu tư giá quyền sử dụng đất cho xây dựng cơ sở đào tạo, có cơ chế để ràng buộc trách nhiệm các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động trong việc đóng góp kinh phí cho đào tạo lao động mà doanh nghiệp đang sử dụng.

**Sáu là,** tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong việc tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả FDI trong phát triển kinh tế xã hội. Giảm dần sự tham gia trực tiếp của cơ quan quản lý trung ương vào xử lý các vấn đề cụ thể, trong đó nhiệm vụ giám định đầu tư và hậu kiểm được tăng cường; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý từ trung ương đến địa phương thông qua tổ chức tập huấn, đào tạo ngắn hạn; phải tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai phân cấp quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh và các cấp chính quyền địa phương; chú trọng vào công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật của các địa phương tránh tình trạng ban hành chính sách thu dài vượt khung. Tỉnh cần thực hiện hướng dẫn các nhà đầu tư lập dự án đảm bảo đầy đủ các nội dung, thuận lợi cho việc thẩm tra trình độ công nghệ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai dự án của nhà đầu tư, thực hiện tối cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp FDI đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các cuộc đối thoại

với công đồng các nhà đầu tư, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý.. Tích cực rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chính

quyền các cấp; triển khai đồng bộ chủ trương và có giải pháp thực hiện hữu hiệu về chống tham nhũng, sách nhiễu, phiền hà, nâng cao tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong công việc của các cấp chính quyền ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- 1 Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch năm 2019 kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVI, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lê Duy Thành.
- 2 Báo cáo của Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc tháng 8/2018 về thu hút vốn FDI tỉnh Vĩnh Phúc.
- 3 Số liệu thống kê các doanh nghiệp FDI tỉnh Vĩnh Phúc từ Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc, tính tới hết quý III/2018.
- 4 Giáo trình Kinh tế quốc tế, GS.TS Đỗ Đức Bình, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2016.
- 5 Giáo trình hội nhập kinh tế quốc tế, PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai- PGS TS. Nguyễn Như Bình, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2016.

Ngày nhận bài: 17/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/4/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/5/2019

Thông tin tác giả:

**NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG**

Giảng viên Bộ môn Cơ sở ngành kinh tế, Khoa Kinh tế Vận tải,

Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

**EVALUATING POSITIVE AND NEGATIVE IMPACTS OF FDI  
ON VINH PHUC PROVINCE'S DEVELOPMENT**

● **NGUYEN THI THU PHUONG**

Lecturer, Department of Economics, Faculty of Transport Economics  
University of Transport Technology

**ABSTRACT:**

Vinh Phuc province, after 20 years of re-establishment, has become one of the most economically developed localities in Vietnam. In 2018, Vinh Phuc province's economic growth reached 8.06%, higher than the average national economic growth of 7.08%. The provincial per capita GRDP value is VND 85.62 million/person/year, showing an increase of VND 6.57 million/person/year compared to 2017. The provincial economy continues to grow, reaching nearly VND 100,000 billion, significantly contributing to the national budget. To achieve these achievements, the foreign direct investment (FDI) into Vinh Phuc province plays a key role in the provincial development. This article presents positive and negative impacts of FDI on Vinh Phuc province's development.

**Keywords:** Investment, capital, FDI, Vinh Phuc province.